

TRƯƠNG VĂN CƯỜNG*

DI CƯ LAO ĐỘNG VÀ BIẾN ĐỔI NHÀ Ở CỦA NGƯỜI KHƠ-MÚ, HÔNG VÀ THÁI Ở TỈNH NGHỆ AN¹

Tóm tắt: Trong bối cảnh phát triển của kinh tế thế giới và xu hướng toàn cầu hóa, di cư lao động đã trở thành một hiện tượng xã hội phổ biến ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Không chỉ tác động mạnh mẽ đến kinh tế, di cư lao động còn làm biến đổi sâu sắc văn hóa của các tộc người, nhất là văn hóa vật chất, trong đó có nhà ở. Đây là quá trình giao thoa và thương thảo giữa truyền thống và hiện đại, khiến cho bản sắc văn hóa tộc người không còn bất biến mà luôn vận động và điều chỉnh theo bối cảnh mới. Trên cơ sở nghiên cứu thực địa tại cộng đồng người Khơ-mú, Hông và người Thái ở tỉnh Nghệ An, bài viết phân tích tác động của di cư lao động đến sự biến đổi trong vật liệu, kiến trúc và không gian sống, qua đó góp phần làm rõ thực trạng, xu hướng biến đổi nhà ở và những tác động khác của di cư lao động tới cuộc sống của người dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Nghệ An hiện nay.

Từ khóa: Di cư lao động, biến đổi nhà ở, tộc người thiểu số, tỉnh Nghệ An.

Mở đầu

Trong bức tranh văn hóa đa dạng của cộng đồng các dân tộc thiểu số (DTTS) miền núi phía Tây Nghệ An, nhà ở không đơn thuần là nơi che nắng che mưa mà còn là biểu tượng hàm chứa chiều sâu văn hóa, phản ánh hệ thống giá trị, mối quan hệ xã hội, tín ngưỡng và cách thức tổ chức đời sống của cộng đồng tộc người. Với các tộc người Khơ-mú, Hông (Mông) và Thái, nhà ở truyền thống như nhà trình tường, nhà sàn không chỉ là nơi ở, mà còn là không gian tích hợp các chức năng sản xuất, sinh hoạt, thờ cúng và lưu giữ các giá trị truyền thống. Do đó, bất kỳ sự biến đổi nào trong hình thức, cấu trúc hay công năng của nhà ở đều có thể hàm chứa những chuyển động sâu sắc trong văn hóa tộc người. Việc nghiên cứu biến đổi nhà ở không chỉ giúp hiểu rõ hơn về sự thích ứng kinh tế, mà còn là một cách tiếp cận để nhận diện những thay đổi trong cấu trúc xã hội và bản sắc cộng đồng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế, di cư lao động (DCLĐ), từ vùng DTTS đến các trung tâm đô thị hoặc ra nước ngoài, đã trở thành một xu hướng phổ biến tại Việt Nam. Đối với các tộc người Khơ-mú, Hông, Thái ở vùng biên giới tỉnh Nghệ An, di cư không chỉ là một chiến lược sinh kế mà còn là quá trình tương tác văn hóa liên tục. Dưới tác động của di cư, đặc biệt, khi các dòng tiền từ người lao động gửi về được sử dụng để cải thiện điều kiện sống, các mô hình nhà ở truyền thống đã dần được thay thế bằng những hình thức mới. Sự chuyển đổi này

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: truongcuong1983@gmail.com.

Ngày nhận bài: 3/9/2025; ngày phản biện: 12/9/2025; ngày duyệt đăng: 18/10/2025.

¹ Bài viết là kết quả của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (2023 - 2024): “*Sinh kế hiện nay của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Lào tại tỉnh Nghệ An*” do TS. Phạm Quang Linh làm chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học là tổ chức chủ trì.

không chỉ thể hiện năng lực tiếp cận kinh tế, mà còn gắn với những thay đổi trong tư duy thẩm mỹ, lối sống hay quan hệ xã hội của người dân.

Nghiên cứu về di cư và bản sắc văn hóa đã thu hút sự quan tâm rộng rãi trong giới học thuật quốc tế và trong nước. Các học giả như Faist (2000), Vertovec (2003) nhấn mạnh rằng di cư không chỉ là quá trình di chuyển vị trí địa lý mà còn là sự tái cấu trúc bản sắc, tạo nên các dạng thức lai ghép văn hóa và làm biến đổi những biểu tượng văn hóa truyền thống, trong đó có nhà ở. Trong nước, một số nghiên cứu đã cho thấy DCLĐ tác động đa chiều đến văn hóa tộc người, trong đó Trần Minh Hằng (2022) nhấn mạnh sự suy giảm trong thực hành văn hóa truyền thống, Nguyễn Văn Chính (2021) và Vũ Đình Mười (2024) chỉ ra sự thay đổi về nhà ở không chỉ là biểu hiện vật chất của quá trình di cư mà còn dẫn đến thay đổi trong sinh hoạt, cấu trúc gia đình và mạng lưới quan hệ cộng đồng. Đến nay, đã có một số nghiên cứu về sinh kế và DCLĐ của các DTTS vùng biên giới tỉnh Nghệ An (Phạm Quang Linh, 2024; Phạm Quang Linh, Nguyễn Thị Thu, 2024), song chủ yếu tập trung vào phân tích di cư trong mối quan hệ kinh tế - xã hội, những ảnh hưởng của di cư đến văn hóa, trong đó có văn hóa nhà ở, nhưng vẫn chưa được khảo cứu một cách hệ thống và sâu sắc.

Bài viết tập trung phân tích sự biến đổi nhà ở của người Khơ-mú, Hmông và Thái ở vùng biên giới tỉnh Nghệ An dưới tác động của DCLĐ dựa trên kết quả khảo sát thực địa tại hai xã có tỷ lệ người dân DCLĐ cao tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An là xã Tà Cạ² và Nậm Cắn³. Tư liệu bài viết được thu thập trước thời điểm 01/7/2025 với việc thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 14/4/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội. Vì vậy, trong các phần tiếp sau, bài viết sử dụng tên gọi hành chính và số liệu trước thời điểm sắp xếp lại đơn vị hành chính nêu trên.

Trong quá trình nghiên cứu thực địa, tác giả đã tiến hành thu thập dữ liệu định tính bằng quan sát tham dự, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm các hộ gia đình và các đối tượng lao động di cư, nhằm phân tích những biểu hiện cụ thể trong thay đổi hình thức, công năng và cách tổ chức không gian nhà ở của người Khơ-mú, Hmông và Thái. Qua đó, bài viết mong muốn nhận diện được các giá trị văn hóa - xã hội thông qua sự thay đổi, xem xét vai trò của DCLĐ như một tác nhân văn hóa tác động đến cấu trúc xã hội của tộc người.

1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu và tình hình di cư lao động

Xã Tà Cạ và xã Nậm Cắn là hai xã biên giới của huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Xã Tà Cạ có diện tích đất tự nhiên 6.086,39ha (trong đó diện tích đất nông nghiệp là 5.784,17ha, đất lâm nghiệp là 175,88ha, đất chưa sử dụng 126,34ha). Xã có 11 bản (trong đó có 03 bản chưa có điện lưới là Nhân Lý, Na Nhu, Sa Vàng), có 04 dân tộc (Kinh, Thái, Khơ-mú, Hmông) trong đó: dân tộc Kinh 440 người (8,2%); Thái 1.931 người (36,3%); Hmông 467 người (8,7%); dân tộc Khơ-

² Từ sau ngày 1/7/2025, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Mường Xén, xã Tà Cạ và xã Tây Sơn thành xã mới có tên gọi là xã Mường Xén.

³ Từ sau ngày 1/7/2025, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phà Đánh và xã Nậm Cắn thành xã mới có tên gọi là xã Nậm Cắn

mú là 2.501 người (46,8%). Tổng số hộ nghèo toàn xã là 505 hộ (43,76%); hộ cận nghèo 55 hộ (3,455%) (UBND Xã Tà Cạ, 2023). Xã Nậm Cắn có diện tích tự nhiên là 9.031,07ha, có 23,099km đường biên giới tiếp giáp với huyện Noọng Hét của nước Lào. Xã có 06 bản với 984 hộ, 5.061 nhân khẩu, có 04 dân tộc: Hmông (70,5%), Khơ-mú (14,8%), Thái (13,4%) và Kinh (1,3%). Tỷ lệ hộ nghèo toàn xã là 49,5% (Ban chấp hành Hội nông dân xã Nậm Cắn, 2024).

Có thể nhận thấy, đời sống của người DTTS số ở xã Tà Cạ và Nậm Cắn còn gặp rất nhiều khó khăn khi tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo rất cao. Sinh kế truyền thống của người dân nơi đây chủ yếu là canh tác ruộng nước và nương rẫy với sản xuất còn manh mún, năng suất lao động thấp, phụ thuộc nhiều vào tự nhiên và không mang lại thu nhập đáng kể. Nghề thủ công theo quy mô hộ gia đình nhỏ lẻ và hiện đã bị mai một nhiều. Hoạt động thương mại, dịch vụ bước đầu hình thành và DCLĐ đang trở thành xu hướng phổ biến. Thống kê sơ bộ đầu năm 2024 của chính quyền hai xã cho thấy, xã Tà Cạ có khoảng 600 lao động, xã Nậm Cắn có khoảng 500 lao động đi làm công nhân tại các tỉnh phía Bắc và phía Nam, một phần nhỏ làm ở miền Trung. Tổng hợp số liệu của xã Tà Cạ năm 2024 cho thấy: thôn Bình Sơn 2 (dân tộc Khơ-mú) có 66 người, thôn Hòa Sơn (dân tộc Thái) có 60 người, thôn Sơn Hà (dân tộc Hmông) có 55 người; tại xã Nậm Cắn, thôn Khánh Thành (dân tộc Khơ-mú) có 20 người, thôn Noọng Dẻ (dân tộc Thái) có 100 người, thôn Trường Sơn (dân tộc Hmông) có 150 người. Ngoài ra, còn có một số lượng đáng kể lao động di cư tự do tới các tỉnh thành khác với xu hướng này ngày càng gia tăng, khoảng 200 lao động ở Nậm Cắn và 300 lao động ở Tà Cạ. Tuy nhiên, con số thực tế cao hơn do lao động tự do thường không ổn định và không đăng ký chính thức.

Bên cạnh việc làm công nhân và lao động tự do trong nước, xuất khẩu lao động (XKLD) ngày càng trở thành xu hướng phổ biến tại địa bàn nghiên cứu. Xã Tà Cạ hiện có 80 lao động và xã Nậm Cắn có 90 lao động đang làm việc ở Nhật Bản, Nga, Đài Loan, Malaysia, Trung Quốc, Lào... Bên cạnh nhóm lao động đã xuất cảnh, còn nhiều lao động đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục như đăng ký hồ sơ, học ngoại ngữ, chờ cấp phép xuất cảnh. Rất nhiều thanh thiếu niên cho biết, họ có kế hoạch đi XKLD, nếu không được sẽ đi làm công nhân hoặc đi làm thêm sau khi học xong bậc trung học phổ thông. Xu hướng này không chỉ phản ánh nhu cầu tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn mà còn cho thấy sự thay đổi trong nhận thức và định hướng phát triển sinh kế của người dân địa phương (Phạm Quang Linh, 2024: 226).

Theo Tổng cục Thống kê (2020), trong tổng dân số lao động di cư trên cả nước, nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn so với nam giới (nữ 55,5% và nam 44,5%). Tuy nhiên, thực tiễn tại xã Nậm Cắn và xã Tà Cạ, tỷ lệ nam và nữ đi làm công nhân tương đương, nhiều hộ gia đình hai vợ chồng cùng DCLĐ. Về tuổi, phần lớn lao động di cư thuộc nhóm trẻ (20-39 tuổi), đặc biệt nhóm làm công nhân chủ yếu sinh từ năm 1990-2005, trong khi nhóm làm thuê tự do có tuổi đa dạng hơn, tập trung vào khoảng 30-40 tuổi. Nhóm XKLD chủ yếu là thanh niên từ 18-25 tuổi. Về trình độ học vấn, nhóm lao động làm công nhân và XKLD phần lớn có bằng trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông, một bộ phận đã qua đào tạo nghề. Trong khi đó, nhóm di cư tự do có trình độ thấp hơn, nhiều trường hợp không biết chữ. Đáng chú ý, xu hướng nhiều thanh thiếu niên bỏ việc học sau trung học cơ sở để tìm việc làm trong khu công nghiệp, nhất là vào

những tháng cuối năm khi nhu cầu lao động tăng cao. Tại điểm nghiên cứu, tình trạng thanh thiếu niên 13-15 tuổi bỏ học theo người thân đi làm có xu hướng gia tăng. Riêng tại thôn Bình Sơn 2, xã Tà Cạ, có trên 10 trường hợp trẻ em dưới 16 tuổi người Khơ-mú theo người thân đến thành phố làm việc. Hiện tượng bỏ học đi làm được gia đình đồng thuận do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không đủ điều kiện học tiếp hoặc lo lắng về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.

Thu nhập từ lao động di cư phụ thuộc vào nhiều yếu tố như sức khỏe, nghề nghiệp và loại hình công việc. Nguồn tiền gửi cũng về có sự khác nhau theo các nhóm. Xét theo yếu tố hôn nhân, nhóm chưa có gia đình thường gửi tiền về thấp hơn so với những người đã có gia đình. Xét theo loại hình công việc, nhóm lao động ở nước ngoài có mức thu nhập cao tiền gửi về bình quân khoảng trên 10 triệu đồng/tháng, nhóm công nhân khoảng 5-7 triệu đồng/tháng, nhóm lao động tự do khoảng 3-5 triệu đồng/tháng. Nguồn tiền gửi về góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo. Người dân cho biết, trước những năm 1990, nhiều hộ thiếu ăn, phải ăn cháo, cơm độn khoai, sắn khi vào mùa giáp hạt. Hiện nay, lương thực sản xuất được chủ yếu phục vụ nhu cầu gia đình, còn chi tiêu sinh hoạt dựa vào thu nhập từ DCLĐ gửi về. Tiền gửi về được sử dụng nhiều mục đích khác nhau, chủ yếu để sửa nhà, mua sắm, học tập, sản xuất, trong đó chi phí xây dựng nhà chiếm tỷ lệ cao nhất. Thực tế cho thấy, hơn 90% số hộ tại điểm nghiên cứu nhà xây dựng mới những năm gần đây từ nguồn tiền kiếm được bởi DCLĐ.

2. Di cư lao động và biến đổi về nhà ở

Di cư lao động tác động đến rất nhiều khía cạnh văn hóa tộc người trong bối cảnh hiện nay. Song, trong khuôn khổ và giới hạn, bài viết tập trung trình bày ảnh hưởng của DCLĐ đến sự thay đổi liên quan đến nhà ở như kiến trúc, không gian sinh hoạt, vật liệu⁴ và một số tác động liên quan khác.

2.1. Những thay đổi về kiến trúc, không gian sống và vật liệu

Về kiến trúc: Nhà truyền thống của các tộc người tại điểm nghiên cứu có những điểm giống và khác nhau. Nhà sàn của người Thái thường cao, mái cong và được trang trí cầu kỳ, phản ánh đặc trưng văn hóa tộc người và vị thế gia chủ. Nhà sàn của người Khơ-mú thường thấp hơn, đơn giản về hình thức và ít hoa văn trang trí. Đối với người Hmông, kiểu nhà truyền thống là nhà trệt, kết cấu thấp, mái dốc và dài, được lợp bằng lá cọ hoặc tranh, phù hợp với điều kiện mưa nhiều và địa hình đồi núi cao. Những kiểu kiến trúc này gắn liền với tập quán cư trú lâu đời và điều kiện sinh sống của từng cộng đồng.

Trong quá trình DCLĐ và hội nhập, hình thức nhà ở của các tộc người đã có sự thay đổi đáng kể, phổ biến nhất là chuyển đổi từ nhà sàn truyền thống sang nhà xây kiên cố như nhà cấp 4 hoặc nhà ống có từ 1 - 2 tầng. Theo chia sẻ của cán bộ huyện Kỳ Sơn, hầu hết những hộ có người thân DCLĐ thường sử dụng nguồn tiền gửi về để sửa chữa hoặc dựng nhà mới với nhiều quy mô và kiểu dáng khác nhau. Một số hộ vẫn làm nhà theo truyền thống nhưng diện tích lớn hơn, trong khi không ít hộ xây dựng nhà mới hoàn toàn theo

⁴ Loại hình kiến trúc, không gian sống và vật liệu nhà ở là những khái niệm có nội hàm rất rộng. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, các vấn đề trên được tiếp cận dưới góc nhìn dân tộc học.

kiến trúc hiện đại. Những ngôi nhà mới này thường được xây dựng bởi các hộ có điều kiện kinh tế khá giả, thường là cán bộ địa phương, hộ kinh doanh buôn bán ở mặt đường hoặc hộ có người XKLD, hộ có người đi làm công nhân nhà máy gửi tiền về. Xu hướng chuyển đổi hình thức nhà ở rõ rệt tại các thôn bản có số lượng lao động di cư đông như Hòa Sơn, Sơn Hà, Bình Sơn 2. Trong khi những hộ gia đình không có người DCLĐ thì hầu như không có sự thay đổi hoặc thay đổi không đáng kể (PVS, ông Nguyễn Văn H., 48 tuổi, cán bộ Phòng Dân tộc huyện Kỳ Sơn, 2024).

Tỷ lệ thay đổi kiến trúc nhà ở khi sửa chữa, xây mới có sự khác biệt giữa các tộc người và từng địa phương. Theo cán bộ văn hóa xã Nậm Cắn, hiện còn khoảng 70% người dân vẫn dựng nhà theo lối kiến trúc truyền thống (dù có thay đổi chi tiết như mở rộng diện tích, di chuyển bếp ra ngoài), trong khi khoảng 30% đã chuyển sang nhà cấp 4 hoặc nhà ống. Cụ thể, tỷ lệ giữ kiến trúc truyền thống và thay đổi kiến trúc khi xây mới, sửa chữa nhà ở của từng tộc người như sau: người Khơ-mú 80% và 20%; người Thái 70% và 30%; người Hmông 65% và 35% (PVS, ông Lò Bá B., 40 tuổi, cán bộ văn hóa xã Nậm Cắn, 2024). Tại xã Tà Cạ, theo ước tính của cán bộ văn hóa xã, tỷ lệ chung là 60% truyền thống và 40% thay đổi, nhưng cũng có sự khác biệt rõ giữa các tộc người. Cụ thể, tỷ lệ này ở người Hmông là 90% và 10%; người Khơ-mú là 80% và 20%; người Thái là 60% và 40%. Đặc biệt, ở bản Hòa Sơn, phần lớn người Thái đã chuyển sang nhà xây, còn người Thái ở Noọng Dẻ vẫn lưu giữ kiến trúc nhà sàn truyền thống. Tỷ lệ xây nhà mới với chi phí cao thường tập trung ở những thôn có nhiều người đi XKLD hoặc DCLĐ đi làm công nhân (PVS, ông Vi Văn C., 38 tuổi, dân tộc Thái, cán bộ văn hóa xã Tà Cạ và số liệu phân tích từ kết quả nghiên cứu thực địa của đề tài, 2024).

Sự chuyển đổi hình thức kiến trúc còn phản ánh thay đổi trong quan niệm thẩm mỹ và giá trị biểu tượng xã hội. Ngày càng nhiều người coi nhà xây cấp 4, nhà xây 1-2 tầng là biểu hiện của sự hiện đại, giàu có và thành đạt, thay cho hình ảnh truyền thống của nhà sàn hoặc nhà trệt. Thực tế cho thấy, người trẻ tuổi có xu hướng chọn kiểu nhà hiện đại khi có điều kiện kinh tế, trong khi người lớn tuổi vẫn muốn giữ nguyên kiểu kiến trúc cũ do gắn với phong tục và ký ức văn hóa lâu đời. Việc xây dựng nhà mới theo lối hiện đại không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng và thẩm mỹ đương đại, mà còn thể hiện sự đổi mới tư duy, đặc biệt, ở các hộ gia đình có người di cư XKLD trở về từ nước ngoài, DCLĐ ở các khu công nghiệp, đô thị.

Về không gian sống: Trước kia, trong ngôi nhà truyền thống của người Thái, Hmông và Khơ-mú ở Kỳ Sơn, Nghệ An, không gian sinh hoạt thường được tổ chức thành những khu vực chức năng gắn bó mật thiết với đời sống sinh hoạt, mang tính mở và ít phân chia. Tuy nhiên, hiện nay không gian sống của nhà ở có nhiều thay đổi đáng kể, được phân chia rõ ràng hơn thành các không gian như: nơi thờ cúng, bếp, nơi ngủ, khoảng sân, hành lang, gác lửng..., phản ánh quá trình thích nghi với điều kiện sống hiện đại và tác động từ các yếu tố bên ngoài như DCLĐ, đô thị hóa và ảnh hưởng văn hóa thị thành.

Sự thay đổi về không gian sống khá đa dạng, phụ thuộc vào loại hình nhà ở. Với những ngôi nhà xây cao tầng hoặc nhà cấp 4 xây mới, không gian sống đã được phân chia rõ ràng hơn:

gồm khu vực tiếp khách, các phòng ngủ riêng biệt, nhà vệ sinh tự hoại và khu vực bếp tách rời. Trong khi đó, các ngôi nhà sàn hoặc nhà xây theo kết cấu truyền thống tuy vẫn giữ một phần hình thức cũ, nhưng cũng có sự điều chỉnh nhất định về không gian sử dụng. Theo cán bộ xã Nậm Cắn: “Nhà ở hiện nay của người dân ở xã Nậm Cắn hầu hết được cải tạo hoặc làm mới trong khoảng 20 năm trở lại đây. Trường hợp của người Hmông (thôn Trường Sơn, Tiên Tiều), người Kơ-mú (thôn Khánh Thành) nhìn chung giữ nguyên kết cấu 2 hoặc 3 gian và bố trí không gian sinh hoạt, song diện tích nhà được mở rộng hơn so với trước đây. Trong khi nhà ống, nhà cấp 4 xây mới phân chia tách biệt không gian sinh hoạt gồm: tiếp khách, phòng ngủ riêng biệt, có nhà vệ sinh tự hoại, bếp. Ngoài ra, phần lớn người dân chuyển bếp trong nhà ra khu riêng biệt, với nhà trệt hoặc nhà sàn, người dân thường dựng thêm 1 chái bếp và khu vệ sinh của gia đình” (PVS, ông Hồ Bá P., 40 tuổi, dân tộc Hmông, cán bộ xã Nậm Cắn, 2024).

Nếu như trước đây, không gian sinh hoạt chung của nhà ở truyền thống thường là một gian lớn dùng chung cho nhiều mục đích, thì nay các hộ đã quan tâm đến việc phân chia không gian riêng tư, đặc biệt là phòng ngủ cho từng thành viên. Không gian ngủ của vợ chồng, nhất là vợ chồng trẻ thường kín đáo hơn so với trước đây. Nhà vệ sinh tự hoại được xây dựng kiên cố và đặt cạnh nhà chính, thay thế cho các công trình vệ sinh tạm ngoài trời. Bếp lửa cũng không còn đặt trong khu sinh hoạt chung mà được chuyển sang khu riêng biệt, thường là bên cạnh, nối liền với nhà chính.

Không gian sống mới còn thể hiện rõ sự tiếp biến văn hóa và kiến trúc, khi chịu ảnh hưởng từ các mẫu nhà hiện đại mà người dân biết được qua tiếp xúc với phương tiện truyền thông, mạng xã hội hoặc qua trải nghiệm thực tế khi đi lao động ở các đô thị hay nước ngoài. Từ đó, họ mang theo tư duy mới về nhà ở như sự hiện đại, gọn gàng và tiện nghi. Nếu trước đây người dân chủ yếu sử dụng bếp củi, thì nay, nhờ DCLĐ, nhiều hộ dân có điều kiện mua sắm thiết bị hiện đại như bếp gas, bếp từ, nồi cơm điện,... Điều này, không chỉ nâng cao chất lượng sống, mà còn thay đổi cách tổ chức không gian sử dụng bên trong ngôi nhà. Một số hộ còn kết hợp không gian sống với không gian sinh kế, thiết kế gian trước nhà để kinh doanh nhỏ lẻ như tạp hóa, bán hàng ăn uống, sửa xe,... Hình thức kết hợp này ngày càng phổ biến, nhất là đối với các hộ có vị trí nhà ở ven đường quốc lộ, đường liên xã, tạo ra một dạng không gian đa chức năng, vừa ở vừa phục vụ sản xuất, kinh doanh. Đây là một biểu hiện rõ nét khác của sự thay đổi trong không gian sống, gắn với nhu cầu thích nghi và phát triển trong bối cảnh kinh tế, xã hội đang ngày càng vận động hết sức mạnh mẽ.

Về vật liệu làm nhà: Kết quả phỏng vấn và quan sát tại thực địa cho thấy, chất liệu làm nhà truyền thống của người Kơ-mú, Hmông và Thái chủ yếu bao gồm gỗ, tre, nứa, cỏ ranh, rom rạ và đất. Tuy nhiên, hiện nay nhu cầu cải thiện điều kiện sống tăng lên trong khi nguồn thu từ DCLĐ giúp cải thiện điều kiện tài chính của gia đình, cho phép người dân mua sắm và sử dụng các vật liệu xây dựng hiện đại hơn như xi măng, mái tôn, gạch và thép, thay thế dần cho các vật liệu truyền thống. Mức độ sử dụng các vật liệu mới có sự khác biệt giữa các địa bàn và tộc người. Tại các hộ cư trú ven tuyến quốc lộ 7A và phần lớn người Thái ở bản Hòa Sơn (xã Tà Ca), việc sử dụng vật liệu mới trở nên phổ biến hơn. Trong khi đó, đa số các hộ kết hợp giữa vật liệu mới và tái sử dụng vật liệu cũ tích lũy từ trước hoặc mua gỗ tại địa phương.

Hiện nay, đa số người dân khi xây dựng nhà mới đã bỏ dần kiểu nhà sàn truyền thống, chuyển sang làm nhà xây cấp 4 hoặc nhà kết cấu cột bê tông cốt thép và mái lợp tôn hoặc ngói nung. Trưởng thôn Hòa Sơn, xã Tà Cạ cho biết: *“Nhà xây dựng từ vật liệu mới như bê tông thường kiên cố, bền vững và an toàn hơn nhiều so với nhà gỗ, nhất là loại gỗ tạp thường dùng trước đây. Về mặt kinh tế, chi phí xây dựng tăng lên do sử dụng vật liệu mới, nhưng đổi lại ngôi nhà có sự an toàn và độ bền vượt trội, đặc biệt hạn chế nguy cơ cháy nổ so với nhà gỗ, nhà tranh trước đây”* (PVS, anh Vi Văn T., 35 tuổi, dân tộc Thái, 2024). Một phụ nữ Khơ-mú cũng khẳng định: *“Trước đây đa số người Khơ-mú sống trong nhà sàn, nhưng hiện nay do nguồn gỗ ngày càng khan hiếm, nhiều gia đình đã chuyển xuống ở nhà trệt hoặc xây nhà gạch mới, một số hộ còn sử dụng ống thép làm khung nhà sàn”* (PV, bà Seo Thị L., 42 tuổi, dân tộc Khơ-mú, bản Khánh Thành, xã Nậm Cắn, 2024). Sự chuyển đổi vật liệu xây dựng kéo theo thay đổi về mặt thẩm mỹ và cảnh quan bản làng. Những ngôi nhà tường gạch, mái tôn xen lẫn trong không gian bản làng truyền thống đã làm mất đi sự đồng nhất, hòa hợp vốn có với thiên nhiên. Điều này khiến một số người cao tuổi cảm thấy nhớ về một bản làng ngày xưa - nơi gắn bó mật thiết với ký ức văn hóa tộc người nay đã không còn nữa.

Nhìn chung, sự thay đổi về nhà ở của người Khơ-mú, Hmông và Thái hiện nay có thể được lý giải bởi nhiều nguyên nhân. Đầu tiên, đó là tác động của hội nhập kinh tế, giao lưu văn hóa giúp họ tiếp cận với các xu hướng nhà ở mới, ảnh hưởng đến thẩm mỹ và lựa chọn loại hình nhà ở mới. Tiếp theo, đó là ảnh hưởng của đô thị hóa và di cư làm thay đổi cách sống và suy nghĩ của nhiều người DTTS. Khi chuyển đến các khu vực đô thị, họ thường tiếp thu nhiều loại hình nhà ở khác, làm thay đổi sở thích nhà ở. Bên cạnh đó, xu hướng của thế hệ trẻ là muốn thay đổi nhà ở truyền thống để phù hợp với cuộc sống sinh hoạt hiện đại. Những thay đổi này phản ánh bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, tác động của kinh tế thị trường đến biến đổi văn hóa, trong đó có nhà ở. Mặc dù, sự biến đổi về nhà ở giúp điều kiện sinh hoạt thuận tiện hơn trước, nhưng cũng đặt ra một số vấn đề liên quan đến văn hóa tộc người trong bối cảnh hiện nay.

2.2. Những thay đổi khác liên quan đến nhà ở

Kết quả khảo sát cho thấy, trong khoảng 10 năm qua, lượng người dân tham gia DCLĐ tăng mạnh dẫn đến việc sử dụng nguồn tài chính có được từ DCLĐ để xây dựng và cải tạo nhà ở cũng tăng lên. Nếu như trước năm 2013, tỷ lệ hộ gia đình có nhà bê tông hoặc nhà xây kiên cố tại hai xã chỉ khoảng 10 đến 15%, thì đến nay tăng lên 60-70%. Trước đây, hầu hết các hộ dân, đặc biệt là người Khơ-mú và Hmông, sống trong nhà gỗ truyền thống, làm từ vật liệu tự nhiên như gỗ, tre, nứa. Nhà xây dựng đơn giản, ít có sự cải tạo, phần lớn dựa vào cộng đồng hỗ trợ dựng nhà. Từ năm 2013 đến nay, khi DCLĐ gia tăng, nguồn tiền gửi về giúp nhiều gia đình xây dựng nhà kiên cố hơn. Theo trưởng thôn Bình Sơn 2: *“Trước đây, trung bình mỗi năm chỉ có 1-2 hộ, hoặc vài năm trong thôn mới có hộ sửa hoặc làm nhà mới. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay, số lượng nhà mới xây tăng mạnh, trung bình 4-5 hộ/năm, chủ yếu nhờ nguồn tiền từ DCLĐ gửi về”* (PVS, anh Cút Văn S., 43 tuổi, dân tộc Khơ-mú, trưởng thôn Bình Sơn 2, xã Nậm Cắn, 2024).

Di cư lao động kéo theo sự thay đổi thói quen sinh hoạt và phong tục tập quán, người DCLĐ được tiếp xúc với các loại hình nhà mới, kiến trúc mới hiện đại, phù hợp với nhu cầu và xu thế hiện nay. Vì vậy, họ ít nhiều bị ảnh hưởng bởi phong cách nhà ở tại các thành phố, điểm đến của di cư và đem về áp dụng tại quê nhà. Mặt khác, theo chia sẻ của người dân, dưới tác động từ chính sách quy hoạch, bảo vệ rừng, họ không thể khai thác gỗ làm nhà như trước. Vì vậy, người dân buộc phải chuyển sang sử dụng vật liệu xây dựng mới như gạch, xi măng, bê tông. Đây là nguyên nhân chính đẩy nhanh quá trình thay thế nhà gỗ với nhà xây kiên cố bằng vật liệu mới. *“Theo phong tục truyền thống, quyền quyết định xây dựng nhà ở thường thuộc về người lớn tuổi trong gia đình. Cấu trúc nhà ở gắn với phong tục tín ngưỡng của dân tộc. Kinh phí xây dựng thường dựa vào gia đình và sự hỗ trợ của cả dòng họ hoặc cộng đồng. Ngày nay, việc xây dựng nhà không còn là quyết định chung của người lớn tuổi mà phụ thuộc nhiều vào ý muốn cá nhân người trẻ. Thế hệ trẻ họ có xu hướng chủ động lựa chọn kiểu nhà theo sở thích và điều kiện của mình thay vì theo kiểu truyền thống”* (PVS, bà Lò Thị T., 58 tuổi, dân tộc Thái, thôn Hòa Sơn, xã Tà Cạ, 2024). Hiện nay, DCLĐ giúp những người trẻ trở thành người kiểm tiền chính, giúp họ có tiếng nói hơn, quyền lực của họ trong gia đình bước đầu cũng thay đổi, dẫn đến sự điều chỉnh trong cách thức xây dựng nhà ở và trong các quyết định xây dựng loại hình nhà ở cho gia đình.

Qua phỏng vấn lao động di cư người Thái, Hmông và Khơ-mú tại xã Tà Cạ và Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An, phần lớn cho biết tiền công đi làm được dùng để sửa chữa hoặc xây nhà, trong khi phần còn lại dùng để chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày. Do nhà truyền thống thường nhỏ hoặc bị hư hỏng, sinh hoạt không được thoải mái, đôi khi rất chật chội, nên khi có tiền, người dân thường ưu tiên đầu tư sửa chữa hoặc làm nhà mới. Ưu tiên hàng đầu của người DCLĐ trở về quê là xây dựng hoặc cải tạo nhà ở, bởi họ quan niệm: phải xây nhà mới để chứng tỏ sự thành đạt trong cộng đồng và việc xây một ngôi nhà kiểu mới là cách dễ thấy nhất để chứng minh cho sự đổi mới tư duy, nắm bắt xu hướng thời đại mới của họ. Thực tế, tại điểm nghiên cứu cho thấy, nhiều gia đình có con cái đi làm xa về thường đầu tư nhà sàn kiên cố hơn, thay vì tiếp tục ở nhà truyền thống như trước. Một số hộ gia đình làm nhà cấp 4, nhà ống một hoặc nhà 2 tầng khi những người di cư quay về quê như ở bản Hòa Sơn, Sơn Hà (xã Tà Cạ). Điều này tạo ra làn sóng thay đổi kiến trúc, khiến nhà truyền thống dần bị thay thế bởi các kiểu nhà cấp 4, nhà ống 1 hoặc 2 tầng. Thực tế, không chỉ những cá nhân di cư trở về mới có chủ ý thay đổi hình thức nhà ở, mà ngay cả những người sống và làm việc tại quê nhà cũng có mong muốn làm nhà mới khi có điều kiện. Không những thay đổi về loại hình nhà ở, tư duy của nhóm DCLĐ còn là nhân tố làm thay đổi trong nhu cầu sinh hoạt và không gian sống. Khi một gia đình có thành viên đi làm xa, nếp sinh hoạt và nhu cầu về không gian sống cũng thay đổi theo.

3. Một số vấn đề đặt ra

Một là, mất dần bản sắc kiến trúc truyền thống. Sự thay đổi trong kiến trúc nhà ở tại điểm nghiên cứu không chỉ là biến đổi vật chất, mà còn tác động sâu rộng đến bản sắc văn hóa, xã hội và môi trường của các cộng đồng tộc người. Quá trình thay đổi này dẫn đến nguy cơ mai một nhà ở truyền thống, khi nhà ống, nhà bê tông trở nên phổ biến, làm mất đi đặc điểm kiến trúc nhà ở của tộc người. Bản làng dần bị đô thị hóa, không còn dấu ấn đặc trưng

trong không gian văn hóa. Trước đây, nhìn vào kiến trúc nhà ở có thể nhận biết được tộc người nào sống trong căn nhà và phong tục của họ. Ngày nay, kiến trúc nhà ở hiện đại phổ biến khiến yếu tố bản sắc dần mai một, khả năng nhận biết trở nên khó khăn hơn rất nhiều. Bên cạnh đó, không gian sinh hoạt chung truyền thống cũng thay đổi. Nếu như trước đây bếp lửa là trung tâm kết nối gia đình, là nơi các thế hệ quây quần, chia sẻ kinh nghiệm sống, thì nay bếp được chuyển ra khu riêng. Điều này, không chỉ thay đổi cấu trúc gia đình truyền thống, mà còn làm suy giảm vai trò của bếp lửa như một không gian văn hóa, nơi lưu giữ nếp sống truyền thống. Đồng thời, các yếu tố tâm linh đối với bếp lửa cũng bị điều chỉnh theo kiến trúc hiện đại, làm thay đổi quan niệm về không gian tín ngưỡng trong nhà ở của các tộc người.

Hai là, sự phân hóa kinh tế giữa các hộ gia đình. Tại điểm nghiên cứu cho thấy sự biến đổi nhà ở không chỉ phản ánh quá trình phát triển kinh tế mà còn làm gia tăng khoảng cách giàu - nghèo giữa các hộ gia đình, đặc biệt, giữa hộ có và không có lao động di cư. Trước đây, khi sản xuất tự cung tự cấp là chủ yếu, sự chênh lệch kinh tế giữa các hộ không quá lớn. Tuy nhiên, DCLĐ đã trở thành yếu tố quan trọng định hình khoảng cách kinh tế, khi hộ có lao động di cư với thu nhập cao hơn, dễ dàng xây dựng nhà kiên cố, thay đổi lối sống, lối ứng xử, trong khi hộ không có lao động di cư phải duy trì nhà ở cũ, xuống cấp do thiếu kinh phí sửa chữa. Ngoài ra, sự thay đổi này còn ảnh hưởng đến quan hệ xã hội và cách đánh giá địa vị trong cộng đồng. Nếu trước đây, uy tín được đo bằng tuổi tác, kinh nghiệm và đóng góp cho bản làng, thì nay sở hữu nhà mới trở thành biểu tượng của thành công. Những gia đình có nhà khang trang được coi trọng hơn, dù có thể họ không có nhiều đóng góp cho cộng đồng. Điều này, tạo ra sự dịch chuyển trong hệ giá trị, nơi mà của cải vật chất dần lấn át giá trị văn hóa, tri thức truyền thống, dẫn đến tâm lý ganh đua, áp lực phải cải thiện nhà ở để không bị coi là tụt hậu. Hệ lụy của sự thay đổi này là gia tăng áp lực tài chính, khi một số vay mượn hoặc chi tiêu quá mức để xây nhà sẽ gây bất ổn kinh tế gia đình. Sự phân hóa nêu trên làm thay đổi hệ giá trị truyền thống và tính gắn kết cộng đồng, đặt ra thách thức trong việc duy trì bản sắc văn hóa và ổn định xã hội.

Ba là, thay đổi quyền quyết định trong gia đình. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự thay đổi kinh tế do DCLĐ đã làm dịch chuyển quyền quyết định trong gia đình, đặc biệt, trong việc xây dựng và cải tạo nhà ở. Nếu trước đây, người cao tuổi nắm vai trò chủ đạo trong việc chọn kiểu nhà, vị trí và cấu trúc không gian sống theo phong tục, thì hiện nay người trẻ - những người kiếm tiền chính từ di cư đang dần chiếm quyền quyết định. Trước đây, việc xây nhà không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh tồn, còn phản ánh bản sắc văn hóa và tín ngưỡng tộc người. Người già quyết định kiểu dáng nhà theo truyền thống, đảm bảo phù hợp với phong tục và yếu tố tâm linh như hướng nhà, gian thờ, bếp lửa. Tuy nhiên, khi người lao động di cư mang lại nguồn thu nhập chính sẽ có “tiếng nói” lớn hơn, quyết định việc phân bổ các công năng mới của ngôi nhà một cách tiện nghi hơn. Điều này, làm suy giảm vai trò của người già, trong khi sự tiện nghi dần thay thế giá trị truyền thống. Đây cũng là một trong những nguyên nhân xảy ra sự xung đột giữa các thế hệ. Người già muốn giữ lại nhà truyền thống, coi đó là biểu tượng văn hóa và kết nối tâm linh, trong khi người trẻ hướng đến sự hiện đại, tiện nghi và xem đó là dấu hiệu của sự thành công. Một số gia đình chọn thỏa hiệp, giữ lại một phần kiến trúc truyền thống trong nhà mới. Trường hợp tại thôn

Khánh Thành, một gia đình người Khơ-mú đã gặp phải xung đột khi người cha (70 tuổi) mong muốn giữ lại nhà sàn cũ, trong khi con trai (35 tuổi, đi XKLĐ) muốn phá bỏ để xây nhà bê tông theo kiến trúc mới. Theo quan điểm của người cha, ngôi nhà không chỉ là nơi ở, mà còn là biểu tượng của dân tộc, gắn với những giá trị tinh thần và kỷ ức gia đình. Ông cho rằng việc xây nhà bê tông theo kiểu đô thị sẽ làm mất đi bản sắc của người Khơ-mú. Trong khi đó, người con trai sau nhiều năm đi làm ăn xa lại cho rằng: nhà đã cũ và xuống cấp, không có nhà vệ sinh, mùa mưa thì dột, mùa lạnh thì rét. Bây giờ ai cũng xây nhà mới, mình cứ giữ nhà sàn mãi thì nhìn nghèo lắm, không bằng ai, sinh hoạt nhiều bất tiện. Cuối cùng, sau nhiều lần thương thảo, gia đình này quyết định xây một ngôi nhà bê tông nhưng giữ lại phần khung sàn gỗ truyền thống, như một sự dung hòa giữa hai thế hệ. Sự thay đổi này không chỉ đơn thuần là thay đổi quyền lực kinh tế, mà còn phản ánh sự biến đổi hệ giá trị gia đình. Tiếng nói của người già suy giảm, khiến cấu trúc quyền lực trong gia đình và dòng họ thay đổi. Khi người trẻ ít tham vấn người già, sự gắn kết giữa các thế hệ suy yếu, có thể dẫn đến mâu thuẫn và sự chia rẽ trong gia đình, cộng đồng.

Bốn là, tác động đến tính gắn kết cộng đồng. Một trong những ảnh hưởng đáng chú ý của quá trình biến đổi nhà ở tại các cộng đồng DTTS là sự suy giảm rõ rệt của tính gắn kết cộng đồng. Trước đây, việc xây dựng nhà không chỉ là nhu cầu cá nhân mà còn là dịp có kết cộng đồng, thể hiện tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau giữa các hộ dân trong thôn bản. Hình thức đổi công khi dựng nhà từng là nét văn hóa đặc trưng của các tộc người Khơ-mú, Hmông và Thái, góp phần duy trì mối quan hệ gắn bó, chia sẻ giữa các thành viên trong cộng đồng, đồng thời là cơ hội để truyền dạy và bảo tồn các kỹ thuật dựng nhà truyền thống. Tuy nhiên, cùng với quá trình DCLĐ và phát triển kinh tế, xu hướng thuê thợ xây chuyên nghiệp ngày càng phổ biến. Việc xây nhà dần trở thành quyết định và hoạt động mang tính cá nhân, khiến vai trò của cộng đồng, dòng họ suy giảm đáng kể. Sự chuyển dịch này, không chỉ làm đứt gãy chuỗi thực hành truyền thống, mà còn phá vỡ không gian giao tiếp, tương tác xã hội vốn là nền tảng của sự gắn kết cộng đồng. Vai trò truyền thống của trưởng tộc, người cao tuổi, người có uy tín trong việc định đoạt các yếu tố quan trọng gắn với yếu tố tâm linh, phong thủy và nghi lễ như vị trí, hướng nhà, kiểu dáng, ngày càng bị suy giảm. Điều này, không chỉ ảnh hưởng đến quan hệ dòng họ, mà còn làm suy yếu cấu trúc xã hội truyền thống. Nhìn chung, biến đổi nhà ở trong bối cảnh hiện nay không chỉ là thay đổi về vật chất, mà còn phản ánh những thay đổi sâu sắc trong cấu trúc xã hội và văn hóa của cộng đồng. Sự suy giảm tính gắn kết cộng đồng đặt ra thách thức lớn trong việc bảo tồn văn hóa tộc người. Do đó, cần có những giải pháp tổng thể nhằm cân bằng giữa phát triển kinh tế và gìn giữ các giá trị truyền thống, góp phần duy trì ổn định văn hóa và cố kết xã hội trong các cộng đồng DTTS.

Kết luận

Sự biến đổi nhà ở dưới tác động của DCLĐ ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An không chỉ đơn thuần ở việc thay đổi vật chất, mà còn phản ánh những biến động sâu sắc trong đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của cộng đồng DTTS. Nếu trước đây, nhà ở truyền thống mang tính biểu tượng cho bản sắc văn hóa và cấu trúc xã hội thì nay, dưới áp lực của dòng tiền thu nhập có được từ DCLĐ, quá trình hiện đại hóa nhà ở đã diễn ra nhanh chóng. Nhà sàn gỗ dần bị thay thế bởi nhà

cấp 4, nhà tầng, nhà kết hợp truyền thống và hiện đại, làm thay đổi không gian sinh hoạt truyền thống, cấu trúc gia đình và quan niệm về giá trị văn hóa.

Bên cạnh những lợi ích như nâng cao chất lượng sống, đảm bảo tiện nghi và an toàn hơn, xu hướng chuyển từ nhà truyền thống sang nhà xây hiện đại cũng đặt ra nhiều thách thức. Việc chuyển đổi sang nhà ở hiện đại có thể làm lu mờ các giá trị văn hóa truyền thống, phá vỡ tính gắn kết cộng đồng. Quan trọng hơn, quyền quyết định trong việc xây dựng nhà ở cũng đang dần chuyển từ người cao tuổi sang thế hệ con cháu, làm thay đổi cấu trúc quyền lực trong gia đình và cộng đồng.

Di cư lao động đã, đang và sẽ tiếp tục là một trong những nhân tố ảnh hưởng, tác động đến văn hóa tộc người, trong đó có nhà ở. Sự thay đổi nhà ở truyền thống có thể dẫn đến những đứt gãy khác về văn hóa, truyền thống và bản sắc tộc người. Do đó, cần có các giải pháp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, trong đó chính quyền, cộng đồng và cá nhân cần hiểu rõ hơn về giá trị của nhà ở truyền thống. Việc kết hợp yếu tố kiến trúc truyền thống với tiện nghi hiện đại, khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường và nâng cao ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa trong thiết kế nhà ở có thể là giải pháp đảm bảo sự phát triển bền vững của cộng đồng trong bối cảnh hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

1. Bhabha, H. K. (1994), *The Location of Culture*, London: Routledge.
2. Bourdieu, P. (1984), *A Social Critique of the Judgement of Taste*, Cambridge, MA.
3. Chi cục Thống kê tỉnh An Giang (2025), *Thông báo số hộ, dân số huyện An Phú năm 2024 (phân theo thị trấn, xã, khóm, ấp)*.
4. Đảng ủy xã Lâm Đót (2023), *Báo cáo kết quả nghiên cứu công tác giảm nghèo bền vững năm 2023; Phương hướng nhiệm vụ công tác giảm nghèo năm 2024*.
5. Eilenberg, M. (2012), *At the Edges of States; Dynamics of State Formation in the Indonesian Borderlands*, Leiden, KITLV Press.
6. Faist, T. (2016), “Cross-border Migration and Social Inequalities”, *Annual review of Sociology*, 42 (1), pp. 323-346.
7. Giddens, A. (1991), *Modernity and Self-identity: Self and Society in the Late Modern Age*, Stanford University Press.
8. Hall, S. (2015), “Cultural Identity and Diaspora”, In: Williams, P. & Chrisman, L. (eds.), *Colonial discourse and post-colonial theory*, Routledge, pp. 392-403.
9. Hastings, D. & Wilson, T. M. (1999), *Borders: Frontiers of Identity, Nation and State*, Routledge.
10. Trần Thị Mai Lan, Đoàn Việt (Đồng chủ biên, 2020), *Sinh hoạt văn hóa của hai dân tộc Lô Lô và Cơ Lao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Lefebvre, H. (1991), *The Production of Space* (D. Nicholson-Smith, Trans), Oxford: Blackwell.
12. Vương Xuân Tình (Chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Phạm Hồng Tung (2007), “Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 23, tr. 271-278.
14. Ủy ban Biên giới quốc gia (2019), *Biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. Ủy ban nhân dân xã Lâm Đót (2023), *Biểu tổng hợp về dân số, thành phần dân tộc và tôn giáo năm 2023*.
16. Vertovec, S. (2001), “Transnationalism and Identity”, *Journal of Ethnic and Migration Studies*, 27 (4), <https://doi.org/10.1080/13691830120090386>, pp. 573-582.

Abstract

LABOR MIGRATION AND HOUSING TRANSFORMATION OF THE KHMU, HMONG AND THAI PEOPLE IN NGHE AN PROVINCE

Truong Van Cuong

*Institute of Anthropology and Religious Studies
Vietnam Academy of Social Sciences*

In the context of the development of the world economy and the trend of globalization, labor migration has become a common social phenomenon in many countries, including Vietnam. Not only it has a strong impact on the economy, labor migration also profoundly changes the culture of ethnic groups, especially the material culture associated with the house. This is a process of exchange and negotiation between tradition and modernity, making the cultural identity of ethnic groups no longer immutable but always moving and adjusting to the new context. Based on field research in the Khmu, Hmong and Thai communities in Nghe An province, the article analyzes the impact of labor migration on changes in materials, architecture and living space, thereby contributing to clarifying the current situation, change in housing trends and other impacts of labor migration on the lives of ethnic minorities in the Vietnam - Laos border area in Nghe An province today.

Keywords: Labor migration, housing transformation, ethnic minorities, Nghe An province.